

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/3/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con chung”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Thanh.
2. Ông Lê Khắc Dũng.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 452/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1993. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Bùi Thanh L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:**

*Về hôn nhân:* Tôi (H) và anh Bùi Thanh L tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 24/02/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 2 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, từ tháng 5/2023 mâu thuẫn vợ chồng gay

gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, anh L không chịu lo làm ăn, chơi bời lêu lổng, bỏ bê gia đình vợ con, còn đánh đập tôi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay, tôi về sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn S, xã N, huyện K, thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Thanh L.

*Về con chung:* Vợ chồng tôi sinh được 03 con chung là Bùi Thanh M, sinh ngày 07/10/2012; Bùi Anh T, sinh ngày 10/11/2016 và Bùi Gia H1, sinh ngày 27/10/2020. Sau khi vợ chồng sống ly thân, các con chung Bùi Thanh M và Bùi Gia H1 do tôi nuôi dưỡng; còn con chung Bùi Anh T do anh L nuôi dưỡng. Vì vậy, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Bùi Thanh M và Bùi Gia H1 đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung Bùi Anh T cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung:* Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* vợ chồng tự thỏa thuận nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn anh Bùi Thanh L, tuy nhiên anh L đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Bùi Thanh L; về con chung: giao 02 (hai) con chung là Bùi Thanh M, sinh ngày 07/10/2012 và Bùi Gia H1, sinh ngày 27/10/2020 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 10/11/2016 cho anh Bùi Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung:* Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

*Về tài sản chung và công nợ:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: nguyên đơn chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:**

- Chị Nguyễn Thu H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Thanh L và yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung. Đây là quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Bị đơn anh Bùi Thanh L được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần 2 nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Thanh L là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung:**

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Chị Nguyễn Thu H và anh Bùi Thanh L tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/02/2012 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền nơi cư trú và lời trình bày của đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, xác định: Chị H và anh L chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài. Đến tháng 5 năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt do không duy trì được đời sống chung nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp, anh L không chịu lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Như vậy, xét thấy: từ việc mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không thể hàn gắn dẫn đến vợ chồng sống ly thân, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thu H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*: Xét lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Sau khi vợ chồng sống ly thân, các con chung Bùi Thanh M, sinh ngày 07/10/2012 và Bùi Gia H1, sinh ngày 27/10/2020 do chị H nuôi dưỡng; còn con chung Bùi Anh T, sinh ngày 10/11/2016 do anh L nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H yêu cầu: được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Bùi Thanh M và Bùi Gia H1 đến khi các con chung đủ 18 tuổi; đồng ý giao con chung Bùi Anh T cho anh Bùi Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của các con chung M và T được thể hiện trong tài liệu lưu hồ sơ vụ án, đảm bảo việc ổn định học tập và

cuộc sống của các con chung, cũng như đáp ứng được quyền lợi hợp pháp về mọi mặt của các con chung, nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung:* Nguyên đơn chị H không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị Nguyễn Thu H và anh Bùi Thanh L có quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở, tuy nhiên chị Nguyễn Thu H và anh Bùi Thanh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[2.4]. *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000176 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1. Về hôn nhân:** Tuyên xử chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Bùi Thanh L.

**2. Về con chung:** Giao 02 (hai) con chung Bùi Thanh M, sinh ngày 07/10/2012 và Bùi Gia H1, sinh ngày 27/10/2020 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con chung M và H1 đủ 18 tuổi.

Giao con chung Bùi Anh T, sinh ngày 10/11/2016 cho anh Bùi Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung T đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị Nguyễn Thu H và anh Bùi Thanh L có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thu H và anh Bùi Thanh L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương

sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000176 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Phạm Xuân Chiến**



